

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày 30-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thư.

Ông Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở UBND xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 14/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Dương Văn Đ; sinh năm 1990; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn V, sinh năm 1971 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; có vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 và có 02 con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2010; có 02 anh, em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ: Ngày 14/4/2021; tạm giam: Ngày 23/4/2021 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị cáo: Nông Văn V; sinh năm 1983; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn M, sinh năm 1964 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; có vợ: Bế Thị L, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 02 con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2004; có 05 anh, em bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tạm giữ: Ngày 14/4/2021; tạm giam: Ngày 23/4/2021 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. Bị cáo: Sầm Văn T; sinh năm 1989; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Sầm Văn B, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 và có 02 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; có 03 chị em bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ: Ngày 14/4/2021; tạm giam: Ngày 23/4/2021 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Chị: Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 (có mặt); chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (có mặt).

- Những người làm chứng

Anh: Dương Văn T; sinh năm 1992 (có mặt); anh Mã Văn Linh; sinh năm 1994 (có mặt); anh Nguyễn Văn Chất; sinh năm 1982 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 14/4/2021 Công an huyện B phối hợp với Công an xã P tiến hành tuần tra thôn Bản T, xã P phát hiện Nông Văn V, Sầm Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra trên người Nông Văn V phát hiện bên trong chiếc ví da màu đen có kí hiệu BINFA 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroine) và số tiền 1.330.000đ; kiểm tra trên người Sầm Văn T phát hiện tại bên trong túi quần bên phải phát hiện 01 gói giấy màu xanh, bên trong có chứa 10 gói giấy màu trắng bên trong mỗi gói giấy màu trắng có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroine), toàn bộ số đồ vật, tiền niêm phong và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật đưa về Công an huyện để điều tra, xác minh.

Tại cơ quan điều tra Sầm Văn T, Nông Văn V khai nhận như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 13/4/2021 Sầm Văn T gặp Mã Văn H tại đường liên Thôn T, xã P, huyện B, hai người thống nhất bỏ ra số tiền 50.000đ đi mua ma túy sử dụng. Sau đó Sầm Văn T và Mã Văn H gặp Nông Văn V rồi V bỏ ra số tiền 60.000đ rồi cả ba người T, H, V cùng nhau đi lên nhà Dương Văn Đ mua ma túy sử dụng, đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày thì đến nhà Đ. Đ trực tiếp bán 01 (một) gói ma túy cho V tại lối cửa ra vào khu vực bếp nhà Đ với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy V có chia gói ma túy thành 02 (hai) phần và chia cho T, H 01 (một) phần rồi đi ra ven đường thôn T, xã P sử dụng. Đến khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 13/4/2021, Nông Văn V đến nhà Nguyễn Văn Q làm cơm gặp Đ, V tiếp tục hỏi mua ma túy của Đ, sau đó Đ đi về nhà lấy ma túy còn V đi lên sau, Đ đã bán 01 (một) gói ma túy cho V với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) tại bàn uống nước nhà Đ, mua ma túy xong, V, Đ quay lại nhà Nguyễn Văn Q ăn cơm và uống rượu. Đến khoảng 19 giờ ngày 13/4/2021, V có đến quán bia nhà ông Dương Văn Đ gặp Sầm Văn T. Tại đây V có nói cho T biết là V đang có ma túy, hỏi T có bán không T đồng ý, sau đó cùng V chia ma túy tại gầm sàn nhà ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn T, xã P do gia đình anh T đã đi làm thuê xa không có ai ở nhà. T sử dụng 01 (một) đèn pin,

dạng đeo trán để soi sáng cùng V chia ma túy thành 15 (*mười năm*) phần nhỏ được cho vào gói giấy màu trắng, còn thừa một ít ma túy thì hai người đã chia nhau sử dụng. Sau khi chia thành 15 (*mười năm*) gói ma túy V đưa cho T cầm 13 (*mười ba*) gói ma túy để bán, còn V cầm 02 gói ma túy cho vào ví da của mình mục đích để sử dụng và đem bán kiếm lời.

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 13/4/2021, T có lấy 01 (*một*) gói ma túy ra để sử dụng tại nhà vệ sinh nhà anh Đ, sau khi sử dụng xong có Dương Văn T đến hỏi V mua ma túy, V nói T đang cầm ma túy rồi đưa T đến nhà vệ sinh gia đình anh Đ rồi bảo T bán cho T1 01 (*một*) gói ma túy với giá 100.000đ, T bán ma túy trực tiếp và thu tiền của T1 sau đó Túy đưa lại số tiền trên cho Vinh.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T tiếp tục đến quán bia nhà anh Đ và hỏi mua ma túy của T, tại bàn đánh bia T có bán cho T1 01 (*một*) gói ma túy với giá 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) rồi tiếp tục đưa số tiền trên cho V. Sau đó V, T đến nhà ông Nông Văn O và ngủ tại đó.

Sáng ngày 14/4/2021, khi ngủ dậy V thấy có cuộc điện thoại gọi nhớ của Mã Văn L, *trú tại thôn B, xã P, huyện B* V gọi điện lại cho L và được L bảo đi mua ma túy để sử dụng thấy vậy V đồng ý và cùng T điều khiển chiếc xe máy HONDA Wave RSX, màu đen, BKS: 23K1- 073.55 của chị Nguyễn Thị T, (*vợ T*) đến thôn B, xã P đón L rồi cả ba đi ra đường Quốc lộ 34 hướng B đi huyện B, tỉnh Cao Bằng tại km 66 + 200 thuộc địa phận thôn B, xã P V có nói với L là mình có ma túy, và bán cho L 01 (*một*) gói ma túy với giá 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Khi mua được ma túy L có chia ma túy cho T để sử dụng tại ven đường quốc lộ 34. Sau đó, T đưa L về nhà và quay lại đón V đến quán nước nhà bà Hoàng Thị D, *trú tại thôn B, xã P* thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, xác minh đến 13 giờ ngày 14/4/2021 Dương Văn Đ đến Công an huyện B đầu thú về hành vi mua bán ma túy trái phép cho Nông Văn V đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*), chiếc xe máy BKS: 23K1 - 086.38 nhãn hiệu Wave màu xanh đen bạc.

Cùng ngày 14/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Lệnh Khám xét khẩn cấp số 06/L-CQĐT đối với nhà ở của Dương Văn Đ. Quá trình khám xét khẩn cấp phát hiện, trong buồng ngủ của vợ chồng Dương Văn Đ và Nguyễn Thị C tại phía bên trong túi áo khoác màu rằn ri đang được treo trên móc quần áo thu giữ 01 (*một*) túi nilon màu trắng, bên trong có 07 (*bảy*) gói giấy màu trắng, bên trong mỗi gói giấy có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroin); Tại góc buồng ngủ phát hiện 01 chiếc va li có kích thước dài 40cm x rộng 25cm x cao 60cm, màu trắng đựng quần áo phát hiện tại ngăn túi kéo thứ nhất phát hiện 01 túi nilon màu hồng, bên trong có chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroin); 01 chiếc cân tiểu ly làm bằng gỗ dùng để bán ma túy, số tang vật trên được niêm phong và thu giữ để phục vụ trong quá trình điều tra.

Tại cơ quan điều tra Dương Văn Đ khai nhận:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 12/4/2021, Dương Văn Đ một mình điều khiển chiếc xe máy HONDA, loại Wave màu xanh đen bạc, BKS: 23K1-068.38

của chị Nguyễn Thị C (vợ Đ), từ nhà đến chợ trung tâm huyện B, tỉnh Cao Bằng, gặp 01 người đàn ông lạ mặt, nhờ mua hộ 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) tiền ma túy, được 01 gói ma túy dạng cục. Đ chia một phần ma túy mua được để sử dụng cùng người đàn ông lạ mặt tại ven sông thuộc huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sử dụng xong Đ điều khiển xe máy về nhà.

Đến khoảng 8 giờ ngày 13/4/2021, Đ lấy một phần số ma túy mua được chia thành 07 (*bảy*) gói ma túy nhỏ, để trong 01 (*một*) túi nilon màu trắng và cho vào trong túi áo khoác, treo vào cạnh cửa ra vào phòng ngủ; số ma túy còn lại, Đ lấy một ít để sử dụng và cất vào ngăn kéo đầu tiên của vali để tại góc buồng ngủ mục đích chia số ma túy để bán kiếm lời.

Khoảng 15 giờ ngày 13/4/2021, V có đến nhà Đ hỏi, mua 01 (*một*) gói ma túy với giá 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*), Đ đồng ý và bán cho V 01 (*một*) gói ma túy tại lối cửa ra vào khu vực bếp nhà Đ sau đó V mang đi đâu sử dụng thế nào Đ không biết.

Khoảng 16 giờ cùng ngày Đ đến nhà anh Nguyễn Văn Q giúp làm cơm tối thì gặp V, được V tiếp tục hỏi mua ma túy, Đ đồng ý nên đến khoảng 17 giờ, cùng ngày Đ đã đi về nhà trước, một lúc sau, V đến nhà Đ mua 01 (*một*) gói ma túy với giá 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Số ma túy trên được Đ trích từ số ma túy cất giấu trong vali đựng quần áo để trong góc phòng ngủ. Sau khi bán ma túy xong thì Đ và V xuống nhà anh Nguyễn Văn Q ăn cơm và uống rượu. Đến ngày 14/4/2021, sau khi biết tin V bị bắt thì đến đầu thú với Cơ quan CSĐT Công an huyện B về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 15/4/2021 cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định trưng cầu giám định 01 gói giấy màu xanh, hồng ký hiệu là A2, bên trong có chứa 10 (*mười*) gói giấy, bên trong mỗi gói giấy có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroin) có ký hiệu lần lượt từ A3 đến A12; 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng, nghi là ma túy (Heroin) có ký hiệu là A13; 01 gói nilon màu trắng có 07 (*bảy*) gói giấy chứa chất bột màu trắng được ký hiệu lần lượt từ A17 đến A23; 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroin) có ký hiệu là A24 gửi Phòng kỹ thuật hình sự PC09, Công an tỉnh Hà Giang.

Ngày 20/4/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận số 193/ KL-PC09, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định ký hiệu A3 đến A13; A17 đến A24 là ma túy, loại ma túy Heroine có khối lượng là 2,50g. Đồng thời hoàn trả lại mẫu vật sau giám định có khối lượng 2,26g.

Heroine nằm trong danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ - CP, ngày 15/5/2018 của chính phủ.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tạm giữ số tiền 2.330.000đ (*Hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*) ngày 20/4/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định trưng cầu giám định số 18 gửi Phòng kỹ thuật hình sự PC09, Công an tỉnh Hà Giang yêu cầu giám định Tiền Việt Nam đồng xác định số tiền trên là tiền thật hay tiền giả.

Tại bản kết luận số 206/ KL-PC09 ngày 29/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang PC09, kết luận số tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Về tang vật vụ án thu giữ:

- 02 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có chất ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang, bên ngoài có ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu từ A3 đến A13 và từ A17 đến A24”, do Phòng PC09 trả lại sau khi lấy mẫu giám định.

- 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật bắt quả tang, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của các mẫu có trong phong bì ký hiệu A1 và A13”.

- 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật khám xét khẩn cấp, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ các mẫu có trong phong bì ký hiệu A16 và A24”.

- Tiền Việt Nam đồng 2.330.000đ (*Hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

- 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, BKS: 23K1 - 086.38 kèm theo 01 chìa khóa xe máy; 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, BKS: 23K1 - 073.55 kèm theo 01 chìa khóa xe máy.

- 01 ví da màu đen, 01 cân tiểu ly bằng gỗ, 01 chiếc điện thoại Iphone 6s, 01 chiếc đèn pin đã qua sử dụng.

Xử lý vật chứng: Xét thấy vật chứng không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp Nông Văn V tiền Việt Nam đồng là 980.000đ (*Chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng có mặt khai hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSBM ngày 14/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn Đ từ 09 (Chín) năm đến 10 (Mười) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn V từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù; xử phạt bị cáo Sầm Văn T từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có chất ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang, bên ngoài có ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu từ A3 đến A13 và từ A17 đến A24”, do Phòng PC09 trả lại sau khi lấy mẫu giám định; 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật bắt quả tang, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của các mẫu có trong phong bì ký hiệu A1 và A13”; 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật khám xét khẩn cấp, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ các mẫu có trong phong bì ký hiệu A16 và A24”; 01 cân tiểu ly bằng gỗ, 01 chiếc đèn pin, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền Việt Nam đồng 1.350.000đ là số do các bị cáo mua bán trái phép chất ma túy có; 01 chiếc điện thoại Iphone 6s, đã qua sử dụng.

Trả lại tài sản cho: Chị Nguyễn Thị C 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave, màu sơn xanh đen bạc, BKS: 23K1 - 086.38 và 01 chìa khóa xe máy; chị Nguyễn Thị T 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, số loại: Wave RSX, màu đen xám, BKS: 23K1 - 073.55 và 01 chìa khóa xe máy.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 21, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T mỗi bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí toàn bộ quan điểm kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận đối đáp với Kiểm sát viên.

Bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Nguyễn Văn C đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, biên bản xác định hiện trường, biên bản lời khai của người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/4/2021 Dương Văn Đ điều khiển xe máy BKS: 23K1 - 086.38, nhãn hiệu HONDA đi sang huyện B, tỉnh Cao Bằng mua ma túy với số tiền 3.000.000đ về chia số ma túy được 07 gói giấy nhỏ và 01 gói ma túy đựng trong túi nilon màu hồng mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Đến ngày 13/4/2021 Đ đã trích một phần ma túy trong túi ni lon màu hồng được cất giấu trong ngăn túi kéo thứ nhất của chiếc vali để trong góc phòng ngủ của bị cáo Đ, sau đó bán ma túy 02 lần cho Nông Văn V số tiền 1.100.000đ tiêu hết 100.000đ, số tiền còn lại 1.000.000đ Đ đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B khi đến đầu thú. Trong các ngày 13, 14/4/2021 Nông Văn V, Sầm Văn T mua ma túy của Dương Văn Đ chia số ma túy thành 15 gói nhỏ sau đó bán cho Dương Văn T1 02 lần thu được 200.000đ, bán cho Mã Văn L 01 lần được số tiền 150.000đ đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Tại bản kết luận số 193/KL-PC09 ngày 20/4/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang có kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định ký hiệu A3 đến A13 và từ A17 đến A24 là ma túy, loại ma túy Heroine có khối lượng là 2,50g, đồng thời hoàn trả lại mẫu vật sau giám định có khối lượng 2,26g. Do vậy, các bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V và Sầm Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Bởi lẽ chất ma túy không chỉ đơn thuần là chất gây nghiện mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác, làm mất trật tự trị an địa phương, phá vỡ hạnh phúc gia đình và làm thiệt hại đến kinh tế và sức khỏe bản thân, suy giảm giống nòi con người Việt Nam. Trong khi Đảng và Nhà nước đang ra sức bài trừ tệ nạn ma túy thông qua các chương trình, mục tiêu quốc gia phòng chống các tội phạm về ma túy thì các bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V và Sầm Văn T nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm, thấy trước được tác hại của hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nhưng vẫn thực hiện để nhằm mục đích thu lợi bất chính từ việc bán ma túy cho nhiều người.

[5] Xét về vai trò phạm tội các bị cáo với tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự bàn bạc thống nhất, không có câu kết chặt chẽ với nhau phân công vai trò. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc.

[6] Đối với bị cáo Dương Văn Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi đi mua ma túy (Heroine) từ huyện B, tỉnh Cao Bằng về bán lẻ cho Nông Văn V 02 lần để kiếm lời thu được 1.100.000đ xét mức án bị cáo Đ cao hơn so với bị cáo V, T. Đối với Nông Văn V là người trực tiếp thực hiện hành vi đi mua ma túy (Heroine) của Dương Văn Đ, sau đó dụ dỗ lôi kéo bị cáo Sầm Văn T tham gia bán ma túy cho mình, bị cáo V và bị cáo T chia thành 15 gói nhỏ V đưa cho T cầm 13 gói còn 02 gói V cầm, số còn thừa sau khi chia hai người sử dụng chung (*T trực tiếp bán hộ V 02 gói ma túy cho Dương Văn T 02 lần thu được 200.000đ xong đưa tiền cho V*); V trực tiếp bán ma túy cho Mã Văn L 01 lần 01 gói trực tiếp thu tiền 150.000đ. Xét về vai trò bị cáo V có nhân thân xấu năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện đạo đức trở thành công dân tốt cho xã hội, nay lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo T. Đối với bị cáo T là người trực tiếp bán hộ bị cáo V 02 lần và là người được hưởng lợi sử dụng ma túy của bị cáo V không phải mất tiền, do vậy bị cáo T là người giúp sức trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử xem xét mức án bị cáo T thấp hơn so với các bị khác.

Do vậy, cần phải có mức án thật nghiêm khắc để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo và cũng để có thời gian cải tạo các bị cáo thành người tốt cho xã hội.

[7] *Bị cáo Dương Văn Đ; Nông Văn V và Sầm Văn T đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.*

[8] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không có. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[8.1] Đối với bị cáo Dương Văn Đ chưa có tiền án, sau khi bị phát hiện tự nguyện đầu thú và nộp số tiền thu lợi bất chính mà có, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8.2] Đối với bị cáo Nông Văn V có nhân thân xấu năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản không lấy đó làm bài học tu dưỡng mà còn tiếp tục mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên

trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8.3] Đối với bị cáo Sầm Văn T chưa có tiền án, quá trình điều tra tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[9] Trong vụ án này đối tượng liên quan:

[9.1] Đối với Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T, ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Công an huyện đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm xét xử bị cáo V và bị cáo T đã nộp xong số tiền xử lý vi phạm hành chính. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.2] Đối với Dương Văn T1, Mã Văn Linh đều là người nghiện ma túy, sau khi được V, T bán ma túy cho đều mang về để sử dụng, không bán cho ai khác, xét thấy chưa đến mức phải xử lý bằng biện pháp hình sự, do vậy cơ quan Công an huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp, Đối với Mã Văn H là người sử dụng trái phép chất ma túy nhưng hiện đối tượng đã đi khỏi địa phương không rõ đi đâu do vậy chưa có cơ sở để xử lý đối với H, Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp tục xử lý sau là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.3] Đối với Nguyễn Văn Q là người mời V và Đ đến nhà ăn cơm tại nhà Q V đã hỏi mua ma túy của Đ nhưng anh Q không biết và cũng không tham gia bàn bạc gì nên không có cơ sở để xử lý đối với Q. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.4] Đối với anh Dương Văn Đ là chủ nhà nơi bị cáo T đã bán ma túy 02 lần cho Dương Văn T1 tại phòng vệ sinh và tại bàn bi a của gia đình Đ tuy nhiên quá trình mua bán giữa T và T1 anh Đ không biết và cũng không được hưởng lợi gì từ việc T bán ma túy cho T1 nên không cơ sở để xử lý đối với anh Đ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị về hình phạt, xử lý vật chứng, tiền án phí và miễn hình phạt bổ sung đúng quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về xử lý vật chứng:

[12.1] Đối với 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, BKS: 23K1 - 086.38 và 01 chìa khóa xe máy bị cáo Đ dùng làm phương tiện đi mua ma túy, trong quá trình điều tra xác minh chiếc xe máy của vợ bị cáo Đ là chị Nguyễn Thị C mua để làm phương tiện đi lại cho gia đình, chị không biết bị cáo Đ dùng đi mua ma túy. Nên trả lại chiếc xe máy cho chị Nguyễn Thị C là phù hợp.

[12.2] Đối với 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, BKS: 23K1 - 073.55 và 01 chìa khóa xe máy, bị cáo T dùng làm phương tiện cùng bị cáo V đi bán ma túy, trong quá trình điều tra xác minh chiếc xe máy của vợ bị cáo T là chị Nguyễn Thị T mua để làm phương tiện đi lại cho gia đình, chị không biết bị cáo T dùng đi bán ma túy. Nên trả lại chiếc xe máy cho chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[12.3] Đối với số tiền 980.000đ trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT xác định số tiền không liên quan đến việc phạm tội và đã trả lại cho bị cáo Nông Văn V là đúng quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12.4] Đối với số tiền 100.000đ do thu lời bất chính của bị cáo Đ bán ma túy cho bị cáo V mà có, hiện số tiền trên bị cáo Đ đã tiêu xài cá nhân hết không truy thu được. Xét thấy bị cáo là lao động tự do gia đình hoàn cảnh khó khăn. Nên Hội đồng xét xử không truy thu lại số tiền trên.

[12.5] Đối với 01 ví da màu đen của bị cáo V dùng để đựng ma túy đây là công cụ phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, nhưng xét thấy ví da không có giá trị sử dụng; 01 chiếc đèn Pin của bị cáo T dùng để soi chia ma túy; 01 cân tiểu ly bằng gỗ của bị cáo Đ dùng để cân ma túy bán là công cụ phạm tội. Xét thấy chiếc ví da, đèn Pin và cân tiểu ly không có giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[12.6] Đối với 02 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có chất ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang, bên ngoài có ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu từ A3 đến A13 và từ A17 đến A24”, do Phòng PC09 trả lại sau khi lấy mẫu giám định; 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật bắt quả tang, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của các mẫu có trong phong bì ký hiệu A1 và A13”; 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật khám xét khẩn cấp, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ các mẫu có trong phong bì ký hiệu A16 và A24”. Cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[12.7] Đối với số tiền 1.350.000đ do bị cáo Đ, bị cáo V mua bán trái phép chất ma túy có. 01 chiếc điện thoại Iphone 6s của bị cáo Nông Văn V liên lạc việc bán ma túy và soi chia ma túy là công cụ phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn Đ, Nông Văn V, Sầm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Dương Văn Đ **9** (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 14/4/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nông Văn V **8** (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 14/4/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nông Văn V để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt Sầm Văn T **7** (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 14/4/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Sầm Văn T để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy*: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong, có dấu giáp lai của Phòng PC09 - Công an tỉnh, bên trong có chất ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang, bên ngoài có ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu từ A3 đến A13”, do Phòng PC09 trả lại sau khi lấy mẫu giám định.

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong, có dấu giáp lai của Phòng PC09 - Công an tỉnh, bên trong có chất ma túy thu giữ trong quá trình bắt quả tang, bên ngoài có ghi “mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu từ A17 đến A24”, do Phòng PC09 trả lại sau khi lấy mẫu giám định.

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong, có dấu giáp lai của Phòng PC09 - Công an tỉnh, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật bắt quả tang, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của các mẫu có trong phong bì ký hiệu A1 và A13”.

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong, có dấu giáp lai của Phòng PC09 - Công an tỉnh, bên trong có vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ mẫu vật khám xét khẩn cấp, bên ngoài có ghi “vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ của các mẫu có trong phong bì ký hiệu A16 và A24”.

- 01 (một) ví da màu đen có ký hiệu BINFA, ví đã qua sử dụng, bị tróc da nhiều chỗ; 01 (một) cân tiểu ly bằng gỗ, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc đèn pin loại đeo đầu, màu đen, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s, IMEI: 356953062308440, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ nhiều chỗ (Không kiểm tra chất lượng bên trong) màu trắng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.350.000đ (*Một ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trả lại tài sản cho: Chị Nguyễn Thị C 01 (một) chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh đen bạc, BKS: 23K1 - 086.38, số khung 3913LY009828, số máy JA39E1342336, đã qua sử dụng và 01 (một) chìa khóa xe máy. Chị Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn đen xám, BKS: 23K1 - 073.55, số khung 3828JY 011470, số máy JA38E0426594, đã qua sử dụng và 01 (một) chìa khóa xe máy.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Văn Đ; Nông Văn V; Sầm Văn T mỗi bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công